

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoa học: 2012-2015

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Ngành ĐT: Điều dưỡng

Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng

Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 5A

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
					THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
1	10112001	Trần Thị Thúy An	09/03/1993	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.5	5.5	7.5	176	7.60	Khá
2	10112002	Huỳnh Thị Phương Anh	17/10/1993	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	5.5	8.5	176	7.96	Khá
3	10112003	Lý Thị Ngọc Bạch	05/05/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	6.0	7.0	176	7.87	Khá
4	10112004	Nguyễn Y Bình	11/03/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	5.0	8.5	176	8.13	Giỏi
5	10112005	Đỗ Hoàng Chiến	14/10/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	5.0	6.5	176	7.31	Khá
6	10112006	Nguyễn Thị Hồng Đào	13/04/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	8.0	6.5	8.0	176	8.00	Giỏi
7	10112007	Nguyễn Hữu Tiến Đạt	11/01/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	9.0	6.5	7.5	176	7.89	Khá
8	10112008	Đỗ Hồng Diệu	17/10/1993	Thạnh Phú, Bến Tre	8.5	6.0	7.5	176	7.75	Khá
9	10112009	Phan Thị Diệu	24/10/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	9.0	6.0	8.0	176	7.88	Khá
10	10112010	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10/03/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	9.0	6.5	8.5	176	8.46	Giỏi
11	10112011	Thái Thị Mỹ Duyên	10/12/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.0	7.0	7.5	176	7.63	Khá
12	10112013	Nguyễn Thanh Giàn	01/04/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	8.5	6.5	7.5	176	7.68	Khá
13	10112014	Nguyễn Thị Ngọc Hân	18/06/1994	Tân Thạnh, Long An	8.0	7.0	8.5	176	8.16	Giỏi
14	10112015	Lê Thị Phượng Hằng	17/01/1994	Giồng Trôm, Bến Tre	8.0	5.5	6.5	176	7.42	Khá
15	10112016	Nguyễn Thị Kim Hằng	01/09/1993	Ba Tri, Bến Tre	7.5	7.0	7.0	176	7.84	Khá
16	10112017	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	18/02/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	9.0	6.0	6.5	176	7.33	Khá
17	10112018	Ngô Thị Thu Hồng	25/05/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	6.0	6.5	176	7.73	Khá
18	10112019	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	15/04/1994	Châu Thành, Tiền Giang	9.0	7.0	8.5	176	8.48	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ và tên TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
					THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
19	10112020	Bạch Thị Diễm Hương	30/05/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.0	7.0	6.5	176	7.42	Khá
20	10112021	Trương Thị Khanh	20/10/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.5	6.0	7.0	176	7.69	Khá
21	10112022	Phạm Ngọc Liên	24/04/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	7.5	8.0	176	8.23	Giỏi
22	10112023	Phạm Kiều Mi	24/12/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	7.0	8.5	176	8.73	Giỏi
23	10112024	Phan Thị Trúc Mi	26/10/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	6.0	8.0	176	7.83	Khá
24	10112025	Trần Thị Trà Mi	25/03/1994	Giồng Trôm, Bến Tre	6.0	5.0	6.5	176	7.32	Khá
25	10112026	Nguyễn Thị Diễm My	01/11/1993	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	6.5	8.0	176	7.82	Khá
26	10112027	Cao Thị Yến Ngọc	17/06/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.0	6.0	7.0	176	7.64	Khá
27	10112028	Phạm Thị Phượng Nguyên	23/12/1994	Tân Phú Đông, Tiền Giang	8.5	7.5	7.5	176	7.84	Khá
28	10112029	Thái Thị Mỹ Nguyên	18/07/1994	Châu Thành, Tiền Giang	9.0	8.5	7.5	176	8.00	Giỏi
29	10112030	Huỳnh ái Nhân	1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	8.0	6.5	8.0	176	8.20	Giỏi
30	10112031	Đặng Thị Cẩm Nhung	18/09/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.0	7.0	7.5	176	7.54	Khá
31	10112032	Dương Tường Y Phụng	15/04/1993	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.0	8.0	7.5	176	7.90	Khá
32	10112033	Võ Thị Lan Phương	14/01/1993	TX. Bến Tre, Bến Tre	8.5	5.5	8.5	176	8.29	Giỏi
33	10112035	Đặng Ngô Minh Quân	12/04/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	8.0	7.0	7.0	176	7.43	Khá
34	10112037	Lê Hồng Thẩm	13/02/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	7.5	7.5	176	8.20	Giỏi
35	10112038	Nguyễn Huỳnh Huế Thanh	22/07/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	6.5	6.5	176	7.59	Khá
36	10112039	Nguyễn Thị Thu Thảo	15/12/1993	Chợ Gạo, Tiền Giang	8.5	8.0	7.5	176	7.85	Khá
37	10112040	Nguyễn Thị Kim Thoa	27/05/1992	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	8.0	5.0	7.0	176	7.14	Khá
38	10112041	Huỳnh Thị Kiều Thu	30/03/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	9.5	5.0	6.0	176	7.77	Khá
39	10112042	Mai Thị Cẩm Thu	08/03/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	6.0	6.0	176	7.43	Khá
40	10112043	Võ Thị Kim Hồng Thư	24/03/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	9.0	6.5	8.0	176	8.09	Giỏi
41	10112044	Trần Huỳnh Bảo Trân	16/05/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.5	7.0	8.5	176	8.29	Giỏi
42	10112046	Võ Thị Trúc	13/12/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	6.5	8.5	173	8.19	Giỏi
43	10112047	Nguyễn Ngọc Tuyết	02/10/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	9.0	7.0	7.5	176	8.15	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
						THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
44	10112048	Hồ Lệ	Xuân	23/05/1993	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	6.0	7.5	176	7.67	Khá
45	10112049	Huỳnh Thị Mỹ	Xuyên	23/08/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	5.0	5.5	176	7.22	Khá
46	10112050	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	10/06/1994	Châu Thành, Tiền Giang	9.0	7.5	8.5	176	8.60	Giỏi
47	10112157	Đinh Thị Hồng	Nguyên	10/03/1994	Cái Bè, Tiền Giang	9.5	6.5	7.5	176	8.30	Giỏi
48	10112158	Phan Thị Huỳnh	Uyên	11/01/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	6.0	7.5	176	8.13	Giỏi
49	10112159	Nguyễn Lan Tài	Vũ	06/12/1993	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.5	5.0	7.0	176	7.21	Khá

Tổng cộng danh sách này có: 49 Sinh viên.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	18	36.73%	TB	0	0.00%
Khá	31	63.27%			

* Xét và công nhận tốt nghiệp theo qui chế 25.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

(Chữ ký)

Phan Thị Dương

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VỊ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2012-2015

Ngành ĐT: Điều dưỡng

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 5B

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
					THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
1	10112051	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	18/05/1994	Thành phố Bến Tre, Bến Tre	8.5	8.0	7.0	176	7.85	Khá
2	10112052	Huỳnh Thị Kim Chi	03/05/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	5.0	7.5	176	7.70	Khá
3	10112054	Huỳnh Thị Kim Hạnh	09/10/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	9.0	8.5	8.0	176	7.67	Khá
4	10112056	Dương Thị Bích Huệ	18/01/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	8.0	8.0	7.5	176	8.37	Giỏi
5	10112057	Nguyễn Thị Diễm Hương	06/03/1993	Chợ Gạo, Tiền Giang	8.0	6.5	6.5	176	7.34	Khá
6	10112058	Phan Thị Thúy Huyền	29/12/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	7.0	6.5	176	7.57	Khá
7	10112059	Nguyễn Cẩm Huỳnh	11/10/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	6.0	6.0	176	7.42	Khá
8	10112060	Trần Thị Kim Khoa	21/10/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.0	7.0	5.5	176	7.05	Khá
9	10112061	Nguyễn Thị Kiều Lan	22/05/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.5	7.5	7.0	176	7.31	Khá
10	10112062	Nguyễn Vũ Liêm	14/12/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	8.5	6.0	7.5	176	7.26	Khá
11	10112063	Trần Ngọc Liên	15/06/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.0	7.5	7.0	176	7.55	Khá
12	10112064	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	29/12/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.0	8.0	6.0	176	7.37	Khá
13	10112065	Võ Thị Thúy Linh	09/06/1994	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	8.5	6.0	7.0	176	7.65	Khá
14	10112067	Nguyễn Thị Trúc Ly	12/10/1993	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.5	5.5	6.5	176	7.00	Khá
15	10112068	Nguyễn Võ Kim Mai	17/12/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.5	6.0	7.5	176	7.81	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
					THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
16	10112069	Nguyễn Thị Trà My	21/06/1994	Tiền Giang	8.0	8.0	7.0	176	7.61	Khá
17	10112070	Trương Thị Ngọc Ngoan	25/12/1993	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.5	7.5	6.0	176	7.00	Khá
18	10112071	Trần Thị Yến Ngọc	11/06/1994	Mỏ Cày, Bến Tre	7.5	6.0	6.0	176	7.33	Khá
19	10112072	Võ Thị Cẩm Ngọc	13/12/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.5	6.0	7.0	176	7.65	Khá
20	10112074	Mai Tấn Nhân	07/02/1993	Ba Tri, Bến Tre	7.5	5.0	7.0	176	7.14	Khá
21	10112075	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	21/10/1994	Châu Thành, Bến Tre	8.5	6.5	8.5	176	8.16	Giỏi
22	10112076	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	16/07/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.5	5.0	7.5	176	7.70	Khá
23	10112077	Võ Hồng Nhung	13/02/1994	Giồng Trôm, Bến Tre	7.0	5.5	7.5	176	7.40	Khá
24	10112078	Dương Mỹ Phúc	02/02/1993	Chợ Lách, Bến Tre	7.5	5.5	6.0	176	7.08	Khá
25	10112080	Lê Thanh Phước	15/10/1994	Châu Thành, Tiền Giang	7.5	6.5	7.0	176	7.77	Khá
26	10112081	Huỳnh Thị Ngọc Sương	29/09/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	5.5	6.5	176	6.94	Trung bình khá
27	10112082	Võ Thanh Tâm	24/05/1993	Gò Công Đông, Tiền Giang	8.5	5.5	6.5	176	7.58	Khá
28	10112083	Nguyễn Minh Tạo	19/09/1993	Ba Tri, Bến Tre	7.5	7.5	7.0	176	7.50	Khá
29	10112084	Nguyễn Thị Hồng Thắm	16/09/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.5	7.5	7.0	176	7.38	Khá
30	10112085	Nguyễn Thị Kiều Thanh	19/08/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.5	6.5	7.5	176	7.86	Khá
31	10112086	Lê Thị Thu Thảo	08/10/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.0	5.5	7.0	176	7.28	Khá
32	10112087	Phan Thu Thảo	10/12/1994	Châu Thành, Long An	7.5	7.5	7.0	176	7.25	Khá
33	10112088	Nguyễn Thị Cẩm Thi	28/11/1994	Bình Đại, Bến Tre	6.0	5.5	6.0	176	6.91	Trung bình khá
34	10112089	Nguyễn Thị Cẩm Thu	06/10/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	7.0	7.5	176	7.17	Khá
35	10112090	Phan Minh Thùy	28/05/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	5.0	7.0	176	7.28	Khá
36	10112091	Vũ Nguyễn Lan Thy	20/05/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.5	5.5	7.5	176	7.63	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
						THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
37	10112092	Hà Thị Cẩm	Tiên	24/01/1994	Châu Thành, Bến Tre	8.0	6.5	7.0	176	7.30	Khá
38	10112094	Lê Thị Ngọc	Trâm	23/07/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	5.0	7.0	176	7.25	Khá
39	10112096	Trần Thị Quốc	Trường	31/05/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	5.0	6.5	176	7.22	Khá
40	10112097	Lê Thị Kim	Tuyền	05/08/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	6.5	6.5	176	7.38	Khá
41	10112098	Nguyễn Phạm Thảo	Vy	15/05/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	5.0	5.5	176	6.63	Trung bình khá
42	10112099	Lê Tuyết Mỹ	Xuân	16/04/1994	Tân Phú Đông, Tiền Giang	8.0	6.0	6.5	176	7.38	Khá
43	10112101	Huỳnh Thị Bảo	Yến	17/04/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	5.0	6.5	176	7.88	Khá
44	10112160	Trần Thị Lệ	Dung	28/10/1994	Châu Thành, Tiền Giang	8.5	5.0	7.0	176	7.96	Khá

Tổng cộng danh sách này có: 44 Sinh viên.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	3	6.82%
Giỏi	2	4.55%	TB	0	0.00%
Khá	39	88.64%			

* Xét và công nhận tốt nghiệp theo qui chế 25.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



Phan Thị Dương

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CĐYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2012-2015
Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học
Bậc đào tạo: Cao đẳng

Ngành ĐT: Điều dưỡng
Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng
Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 5B

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
					THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
1	10112095	Nguyễn Minh Trí	06/06/1992	Châu Thành, Tiền Giang	6.0	2.5	6.0	176	6.41	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 Sinh viên.

* Xét và công nhận tốt nghiệp theo qui chế 25.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

Phan Thị Dương

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2012-2015

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Ngành DT: Điều dưỡng

Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng

Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 5C

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
						THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
1	10112102	Cao Hồng	Cẩm	12/09/1994	Thạnh Phú, Bến Tre	9.0	6.5	8.0	176	7.86	Khá
2	10112103	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/07/1994	Gò Công Đông, Tiền Giang	8.5	7.0	7.5	176	7.43	Khá
3	10112105	Dương Hải	Điền	25/10/1994	Giồng Trôm, Bến tre	8.5	6.5	8.0	176	7.90	Khá
4	10112106	Đỗ Hà Minh	Đức	02/08/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	8.0	5.5	6.5	176	7.73	Khá
5	10112107	Phan Thị Mỹ	Duyên	16/05/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	5.0	7.0	176	7.69	Khá
6	10112108	Huỳnh Thảo	Giang	07/01/1994	Thành phố Bến Tre, Bến Tre	8.0	6.0	7.0	176	7.61	Khá
7	10112109	Lê Hà Như	Hào	02/01/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	9.0	7.5	8.0	176	8.09	Giỏi
8	10112110	Nguyễn Thị Thanh	Hào	23/06/1994	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	8.5	8.0	8.0	176	7.98	Khá
9	10112111	Trần Thị	Hoa	29/09/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	7.0	8.0	176	8.47	Giỏi
10	10112112	Ngô Kim	Hoàng	20/05/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	8.0	8.5	176	8.78	Giỏi
11	10112113	Phạm Hoàng	Huy	20/02/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	7.5	7.0	176	7.49	Khá
12	10112114	Phạm Thị	Huyền	01/03/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	7.5	8.0	176	8.04	Giỏi
13	10112115	Phạm Thị Ngọc	Huyền	25/06/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.5	6.5	7.0	176	7.75	Khá
14	10112116	Võ Thị Ngọc	Huyền	19/09/1994	Bình Đại, Bến Tre	7.5	6.0	6.0	176	7.48	Khá
15	10112117	Huỳnh Hữu	Kha	05/10/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	5.5	8.5	176	7.78	Khá
16	10112118	Trần Thị	Kiều	15/05/1993	Cái Bè, Tiền Giang	8.5	5.5	7.0	176	7.94	Khá
17	10112119	Dương Thị Huỳnh	Lê	19/07/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	5.0	8.0	176	8.24	Giỏi
18	10112121	Đặng Thị Kim	Ngân	08/03/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.0	5.0	7.5	176	7.60	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp			
					THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN	
19	10112122	Lê Thị Thu	Ngân	20/04/1993	Gò Công Tây, Tiền Giang	8.5	5.5	8.0	176	8.46	Giỏi
20	10112123	Võ Thị Ngọc	Ngọc	09/03/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	5.0	6.0	176	7.51	Khá
21	10112124	Lê Thị Thảo	Nguyên	12/11/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	5.5	8.0	176	7.69	Khá
22	10112125	Trần Thị	Nha	04/07/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	9.0	6.0	7.5	176	7.79	Khá
23	10112126	Lê Thị Mộng	Nhàn	17/01/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.5	5.5	6.5	176	7.79	Khá
24	10112127	Nguyễn Thị Ý	Nhi	08/01/1993	Châu Thành, Tiền Giang	8.0	7.0	7.5	176	7.88	Khá
25	10112128	Trần Huỳnh	Nhi	15/01/1994	Chợ Lách, Bến Tre	8.5	6.0	8.5	176	8.76	Giỏi
26	10112129	Nguyễn Thị Hà	Như	08/10/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.5	5.5	7.0	176	7.65	Khá
27	10112130	Hồ Thị Yến	Phi	29/11/1994	Bình Đại, Bến Tre	9.0	5.0	7.5	176	7.93	Khá
28	10112131	Ngô Thị Ngọc	Phượng	15/08/1994	Tân Phú Đông, Tiền Giang	8.5	5.0	7.0	176	8.01	Giỏi
29	10112132	Nguyễn Ngọc	Phượng	16/01/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	9.0	7.0	8.0	176	8.30	Giỏi
30	10112133	Phạm Thị Thảo	Quyên	19/06/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	9.0	5.5	7.0	176	7.95	Khá
31	10112134	Lê Thị Hồng	Thắm	15/03/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	8.0	5.5	5.5	176	7.16	Khá
32	10112135	Huỳnh Kim	Thành	02/09/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.5	5.5	7.5	176	8.02	Giỏi
33	10112137	Lê Thị Cẩm	Thu	05/08/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	8.5	5.0	8.0	176	8.25	Giỏi
34	10112138	Lê Thị	Thùy	21/03/1994	Ba Tri, Bến Tre	9.0	6.5	8.0	176	7.38	Khá
35	10112139	Lê Kiều	Trang	29/10/1992	Ba Tri, Bến Tre	8.5	5.5	8.0	176	8.12	Giỏi
36	10112140	Nguyễn Thị	Trang	15/08/1994	Gò Công Đông, Tiền Giang	7.5	5.0	5.5	176	7.03	Khá
37	10112141	Trần Thiên	Trang	28/10/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	5.5	6.0	176	7.56	Khá
38	10112142	Hồ Thị Mỹ	Trình	19/04/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	8.0	8.0	176	8.24	Giỏi
39	10112143	Võ Thị Mỹ	Trình	29/07/1994	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	8.0	5.0	6.5	176	7.23	Khá
40	10112144	Phan Thị Thanh	Trúc	09/05/1994	Gò Công Đông, Tiền Giang	9.0	7.0	7.5	176	7.96	Khá
41	10112145	Lê Thị Ái	Tú	13/02/1994	Châu Thành, Tiền Giang	9.5	5.5	8.0	176	8.49	Giỏi
42	10112146	Võ Thị Cẩm	Tú	18/07/1994	Cái Bè, Tiền Giang	7.0	5.0	7.5	176	8.39	Giỏi
43	10112147	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	18/07/1994	Cái Bè, Tiền Giang	8.0	5.0	6.5	176	7.70	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
					THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
44	10112148	Trần Vũ Tuyền	17/09/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	6.5	7.0	176	7.96	Khá
45	10112149	Đặng Thị Ánh Tuyết	06/10/1994	Châu Thành, Tiền Giang	9.0	6.5	7.0	176	7.94	Khá
46	10112150	Nguyễn Thị Diễm Uyên	21/09/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.5	5.0	7.0	176	7.78	Khá
47	10112151	Nguyễn Hữu Văn	17/08/1994	Gò Công Đông, Tiền Giang	8.5	5.0	6.0	176	7.58	Khá
48	10112152	Đoàn Lê Như Ý	30/11/1994	Châu Thành, Tiền Giang	9.5	6.0	8.0	176	8.02	Giỏi
49	10112153	Mai Thị Thu Hà	23/08/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.5	7.0	6.5	176	7.55	Khá
50	10112154	Nguyễn Thanh Phong	17/10/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	8.0	7.0	7.5	176	8.03	Giỏi
51	10112155	Trần Phạm Uyên Thủy	26/12/1993	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	5.0	5.5	176	6.57	Trung bình khá
52	10112156	Võ Dương Vũ	15/09/1994	Bình Đại, Bến Tre	9.0	5.0	6.0	176	6.87	Trung bình khá
53	10112165	Văn Thị Ánh Ngọc	27/07/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	9.0	6.0	7.0	176	7.81	Khá
54	10112166	Nguyễn Thị Thủy Tiên	26/10/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	8.5	6.5	8.0	172	8.52	Giỏi
55	10112169	Phùng Thanh Thiên Lý	09/02/1993	Châu Thành, Tiền Giang	8.5	6.0	7.0	176	7.51	Khá

Tổng cộng danh sách này có: **55 Sinh viên.**

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	2	3.64%
Giỏi	18	32.73%	TB	0	0.00%
Khá	35	63.64%			

* Xét và công nhận tốt nghiệp theo qui chế 25.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


Phan Thị Dương

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ